

Bản án số: 101/2018/HSST
Ngày: 06-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/9/2018 và ngày 06/9/2018 tại Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Thị L, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1973 tại Long An; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Số M ấp N Huỳnh Tấn Phát, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên nội trợ; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Bùi Văn B (Chết) và bà Hà Thị B, sinh năm 1948; Có chồng và một con, sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2018, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số H, khu phố B, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề lơ xe; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1961; Chưa có vợ, con; Tiền án: Bản án số 72/2014/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án Nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2018, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị Kh, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 290B/53E Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Sự có mặt Điều tra viên đến phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Điều tra viên (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo hồ sơ tại cơ quan điều tra:

Vào lúc 16 giờ 00 ngày 08/3/2018, tại trước nhà số 8 đường Đào Trí, khu phố 3, phường Phú Thuận, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an Quận 7 phát hiện bắt quả tang bị cáo Nguyễn Huỳnh T điều khiển xe máy biển số 64H9 - 4104 chở bị cáo Bùi Thị L ngồi sau có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để bán cho người khác. Thu giữ trong tay của bị cáo L 13 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Tại Công an Quận 7, các bị cáo L và T khai nhận: số ma túy trên do bị cáo L bỏ tiền ra để bị cáo T liên hệ mua của người đàn ông tên Út (Không rõ lai lịch) tại chân cầu Mương Chuối, huyện Nhà Bè với giá 1.800.000 đồng. Khi đang trên đường đi bán cho một người phụ nữ tên Bé Hai (Không rõ lai lịch) với giá 2.100.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Đây là lần đầu tiên các bị cáo L và T đi bán ma túy.

- Tại phiên tòa:

+ Bị cáo Bùi Thị L trình bày: Bị cáo không nghiện ma túy. Bị cáo T cùng làm nghề lơ xe cùng chồng bị cáo và đến nhà bị cáo chơi đã được khoảng 02 năm. Bị cáo, chồng bị cáo không có mâu thuẫn hay thù hằn với bị cáo T. Bị cáo khẳng định lời khai tại phiên tòa là đúng sự thật và trong quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung hay nhục hình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là vì lúc bắt bị cáo hoảng sợ nên khai là cùng T đi mua bán ma túy. Đối với bản tự khai ngày 08/3/2018 không phải do bị cáo ghi ra, mà do Điều tra viên ghi và bị cáo ký, nhưng chữ ký là của bị cáo và bị cáo có đọc lại bản tự khai này trước khi ký. Bị cáo không đồng ý giám định chữ viết của mình tại bản tự khai ngày 08/3/2018, không khiếu nại kết luận điều tra, bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử công khai.

Nội dung sự việc như sau: Sáng ngày 08/3/2018, Nguyễn Huỳnh T đến nhà bị cáo mượn số tiền 1.800.000đ để tiêu xài, việc T mua bán trái phép chất ma túy L không biết. Chiều ngày 08/3/2018 T về nhà bị cáo chơi đến gần 16 giờ cùng ngày bị cáo đi đón cháu ở trường Lê Anh Xuân Quận 7 thì T nói cho T đi cùng xe sang Quận 7. Bị cáo đồng ý và giao xe cho T chạy, lúc đó T đưa cho bị cáo cầm dùm gói ma túy, bị cáo đồng ý và cầm bằng bàn tay trái, T cũng nhờ bị cáo gắn sim của T vào điện thoại của bị cáo (Điện thoại bị cáo có thể sử dụng hai sim) vì điện thoại của T hư. Trên đường đi thì có điện thoại reo, T là người

đang cầm điện thoại của bị cáo lấy điện thoại ra nghe và do đang chạy xe nên T nói bị cáo cầm điện thoại và trả lời cho người nghe (Là người phụ nữ) là bán ma túy với giá 2.100.000 đồng. Khi đến đường Đào Trí thì công an đề nghị dừng xe lại để kiểm tra, bị cáo sợ quá nên vứt ma túy xuống đất cách vị trí dừng xe khoảng 05 m.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh T trình bày: Bị cáo nghiện ma túy. Bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Về nội dung vụ án do thời gian cũng lâu nên bị cáo nhớ không rõ. Bị cáo không có mâu thuẫn hay thù hằn với bị cáo L hay chồng bị cáo L.

Bị cáo có lấy tiền của bị cáo L vào ngày 01 hoặc ngày 02 của đầu tháng 8; đến ngày 3 hoặc ngày 4 của tháng 8, bị cáo đi mua ma túy của người thanh niên tên Út tại cầu Mương chuối, bờ bằng Nhà Bè về để bị cáo và L bán cho con nghiện.

Phiên tòa ngày 04/9/2018, bị cáo khai: Khoảng hơn 02 giờ chiều ngày 08/3/2018, bị cáo đến nhà bị cáo L chơi, do điện thoại hư nên bị cáo lấy sim nhờ gắn vào điện thoại của bị cáo L (điện thoại loại sử dụng 02 sim). Khoảng 03 giờ chiều người phụ nữ tên Bé Hai không rõ nhân thân lai lịch điện thoại cho bị cáo hỏi mua ma túy, bị cáo đưa điện thoại cho L nghe và thỏa thuận địa điểm và số tiền bán. Bị cáo đưa ma túy cho bị cáo L cầm và chở bị cáo L qua địa điểm hẹn giao hàng ở đường Đào Trí, Quận 7 thì bị bắt.

Phiên tòa ngày 04/9/2018, bị cáo khai: Khoảng hơn 02 giờ chiều ngày 08/3/2018, bị cáo đến nhà bị cáo L chơi, bị cáo có cầm theo ma túy để đi bán. Đến gần 04 giờ chiều, bị cáo L chuẩn bị đi đón cháu nên bị cáo nói cho bị cáo đi nhờ sang Quận 7 để bán ma túy, bị cáo nhờ L cầm ma túy và điều khiển xe của L sang Quận 7. Bị cáo và L ghé quán cà phê gần trường cháu bị cáo L học thì Bé Hai gọi vào điện thoại mobistar của bị cáo hỏi mua ma túy của bị cáo với số tiền là 300.000đ, bị cáo đồng ý và Bé Hai hẹn địa điểm bán ma túy là tại đường Đào Trí. Lúc đó điện thoại hư pin không sử dụng được nên bị cáo mượn điện thoại của L để bỏ sim vào. Bị cáo chở L sang đường Đào Trí, trên đường đang chạy xe thì Bé Hai lại gọi điện và bị cáo nhờ L nghe điện thoại. Bé Hai nói với L là muốn mua số lượng ma túy nhiều hơn, bị cáo nói L nói với Bé Hai là có 2.100.000 đồng ma túy có mua không, Bé Hai đồng ý và bị cáo nói là khi gặp Bé Hai thì L ra giao ma túy cho Bé Hai, L đồng ý. Lúc đến đường Đào Trí thì bị công an kiểm tra, lúc đó hoảng loạn nên bị cáo không biết L để ma túy ở đâu hay có vứt xuống đất không.

Kết luận giám định số 559/KLGD-H ngày 15/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 13 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Bùi Thị L, Huỳnh Văn Phúc (Điều Tra viên), Võ Hữu Chương (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường Phú Thuận, Quận 7 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7904g (không phẩy bảy chín không bốn gam), loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số 80/CT-VKSQ7 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Bùi Thị L và

Nguyễn Huỳnh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị L không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng không khiếu nại cáo trạng, không yêu cầu giám định chữ viết trong bản tự khai ngày 08/3/2018 và lời khai Nguyễn Huỳnh T tại phiên toà hôm nay một phần phù hợp với lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai báo thống nhất các nội dung sự việc, đã được đối chất có sự tham gia của Kiểm sát viên khi tiến hành hỏi cung bị cáo và lời khai này phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Bùi Thị L đã bỏ tiền ra và giao cho Nguyễn Huỳnh T đi tìm mua trái phép chất ma túy và tìm con nghiện để bán trái phép chất ma túy. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi Thị L và Nguyễn Huỳnh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Bùi Thị L từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

Xử phạt Nguyễn Huỳnh T từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

- Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt mỗi bị cáo số tiền 5.000.000đ đến 10.000.000 đồng.

- Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói ma túy niêm phong.

+ Tịch thu sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung; 01 (Một) điện thoại Mobistar, có vỏ bọc nhựa,

+ Trả lại cho Nguyễn Huỳnh T: 02 tờ tiền: 01 USD và 10.000 Cambodia.

+ Tiếp tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định để tìm người quản lý hợp pháp của chiếc xe máy biển số 64H9 – 4104, hiệu LXMOTO, màu xanh đen bạc, số máy FMH-014932, số khung UM8XG-14932. Hết thời hạn thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Bùi Thị L: Bị cáo đề nghị được xử án nhẹ để trở về với gia đình và xã hội;

- Bị cáo Nguyễn Huỳnh T: Bị cáo đề nghị được xử án nhẹ để về sớm với xã hội và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về lời khai của Bùi Thị L cho rằng mình chỉ cho Nguyễn Huỳnh T mượn tiền, việc T mua bán trái phép chất ma túy L không biết và bản tự khai ngày 08/3/2018 bị cáo chỉ ký và ghi họ tên còn nội dung khai không phải bị cáo ghi, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đối với ý kiến: bản tự khai ngày 08/3/2018 bị cáo chỉ ký và ghi họ tên còn nội dung khai không phải bị cáo ghi.

Tại phiên tòa ngày 04/9/2018, bị cáo Bùi Thị L thừa nhận bản tự khai ngày 08/3/2018 là của bị cáo viết và ký.

Tại phiên tòa ngày 06/9/2018, bị cáo Bùi Thị L chỉ thừa nhận bản tự khai ngày 08/3/2018 bị cáo chỉ ký và ghi Bùi Thị L ở cuối văn bản còn chữ ở nội dung phần khai là của Điều tra viên viết và bị cáo chỉ ký, ghi họ tên. Bị cáo thừa nhận tuy bị cáo không viết nội dung bản tự khai ngày 08/3/2018 nhưng bị cáo có đọc lại nội dung trước khi ký.

Điều tra viên xác định tại phiên tòa: chữ viết và chữ ký trong bản tự khai ngày 08/3/2018 là của chính bị cáo Bùi Thị L tự khai và viết ra.

Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên đã giải thích về quyền yêu cầu giám định chữ viết nhưng bị cáo không yêu cầu giám định. Lời khai của bị cáo tại bản tự khai ngày 08/3/2018 phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị cáo Nguyễn Huỳnh T tại các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hỏi cung tại cơ quan điều tra. Và, bị cáo cũng đã đọc lại nội dung bản tự khai ngày 08/3/2018 trước khi ký nên ý kiến của bị cáo về việc bản tự khai ngày 08/3/2018 bị cáo chỉ ký và ghi họ tên còn nội dung khai không phải bị cáo ghi là không có cơ sở.

- Đối với ý kiến Bùi Thị L cho rằng mình chỉ cho Nguyễn Huỳnh T mượn tiền, việc T mua bán trái phép chất ma túy L không biết.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận không bị cơ quan điều tra ép cung, nhục hình trong quá trình điều tra, bị cáo khẳng định lời khai tại phiên tòa là đúng sự việc, còn lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo hoảng loạn. Tuy nhiên từ lúc bị cáo bị bắt là ngày 08/3/2018 bị cáo đã tự viết bản tự khai trình bày toàn bộ hành vi phạm tội và lời khai này được bị cáo khai thống nhất lại nhiều lần tại: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai ngày

08/3/2018; biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất ngày 09/3/2018; biên bản hỏi cung bị can ngày 16/3/2018, ngày 22/5/2018 và khi cơ quan điều tra Công an Quận 7 cũng như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 giao Cáo trạng cho bị cáo, bị cáo không khiếu nại các văn bản tố tụng này.

Điều tra viên trực tiếp được giao nhiệm vụ điều tra vụ án trình bày tại phiên tòa: Tại các thời điểm lập bị cáo làm bản tự khai; lập biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất; biên bản hỏi cung bị can đối với bị cáo Bùi Thị L thì bị cáo Bùi Thị L hoàn toàn tỉnh táo, khai báo rõ ràng và đủ sức khỏe để làm việc với cơ quan điều tra. Theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành cho bị can tự khai cũng như lập biên bản như biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất; biên bản hỏi cung bị can với bị can thì cán bộ điều tra luôn giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can, hỏi bị can có đủ sức khỏe làm việc và khi bị can trả lời đủ sức khỏe thì cơ quan điều tra mới tiến hành thủ tục tố tụng. Bản tự khai ngày 08/3/2018 của bị cáo Bùi Thị L do bị cáo L tự viết ra, không phải là chữ của Điều tra viên và không có ai ghi dùm cho bị cáo vì bị cáo có trình độ học vấn lớp 7.

Khi được Hội đồng xét xử cách ly xét xử thì lời khai của L và T có nhiều điểm mâu thuẫn về thời gian giao số tiền 1.800.000đ để mua ma túy, về người hỏi mua ma túy, về người nghe điện thoại và số lần nghe điện giao dịch mua ma túy. Tuy nhiên đều thống nhất là số ma túy L cầm trên tay là của Nguyễn Huỳnh T đi mua và cả hai đều biết đó là ma túy, cả hai đều có thỏa thuận với Bé Hai về số tiền sẽ bán ma túy. Bị cáo Nguyễn Hoàng T đồng ý cáo trạng, bị cáo Bùi Thị L không đồng ý với bản cáo trạng nhưng không yêu cầu khiếu nại bản cáo trạng.

Theo diễn biến hồ sơ điều tra thì từ khi bị bắt cho đến ngày nhận cáo trạng (ngày 13/6/2018) là hơn 03 tháng, bị cáo vẫn không ý kiến gì về nội dung khai báo. Tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo L đều khẳng định không có mâu thuẫn hay thù, tức gì với nhau, cả hai có quan hệ tốt vì chồng bị cáo L với bị cáo T cùng làm nghề lơ xe và chơi với nhau khoảng 02 năm.

Như vậy quá trình điều tra bị cáo được điều tra viên giải thích đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đủ sức khỏe làm việc với cơ quan điều tra, bị cáo đã tự ghi bản tự khai cũng như khai báo lại nhiều lần đều thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo L và T không có mâu thuẫn gì với nhau để T có thể đổ tội cho L nên việc bị cáo Bùi Thị L không thừa nhận hành vi phạm tội tại phiên tòa nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình, thiếu sự thành khẩn, ăn năn hối cải

[3] Bị cáo Bùi Thị L đã có hành vi đưa tiền cho Nguyễn Huỳnh T mua trái phép chất ma túy là Methamphetamine (MA) về để nhằm bán trái phép cho con nghiện và Nguyễn Huỳnh T đã có hành vi lấy tiền từ L đi mua trái phép chất ma túy của người đàn ông tên Út không rõ lai lịch về bán lại cho đối tượng nghiện ma túy nhằm thu lợi bất chính.

Hành vi này của bị cáo Bùi Thị L và Nguyễn Huỳnh T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa các bị cáo khai báo không thành khẩn, quanh co, chối tội. Do đó, không áp dụng cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo L có nhân thân chưa phạm tội; Bị cáo T có nhân thân đã từng phạm tội và cả hai đều nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý các bị cáo bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Ngoài hình phạt chính còn bắt các bị cáo Bùi Thị L và Nguyễn Huỳnh T chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng, Cơ quan công an thu giữ:

+ 01 (Một) gói ma túy niêm phong thu giữ của các bị cáo: Đây là chất ma túy bị cáo L, T tàng trữ trái phép để bán, không còn sử dụng được nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung có 02 số liên lạc: 01667351271 (Số sim thuê bao của bị cáo L) và 01667284457 (Số sim thuê bao của bị cáo Tú dùng để liên lạc mua bán ma túy). Đây là phương tiện liên lạc mua, bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước

+ 01 (Một) điện thoại Mobistar, có vỏ bọc nhựa, không có sim thu giữ của bị cáo T: Đây là phương tiện liên lạc mua, bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 02 (Hai) tờ tiền: 01 USD và 10.000 Cambodia, thu giữ của bị cáo T: Không chứng minh liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

+ 01 (Một) Xe máy biển số 64H9 – 4104, hiệu LXMOTO, màu xanh đen bạc, số máy FMH-014932, số khung UM8XG-14932: Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 29/3/2018 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh Vĩnh Long thì xe trên do bà Cao Thị Kh đứng tên đăng ký. Bà Cao Thị Kh khai nhận xe này là của bà và đã bán vào tháng 9/2016 cho 01 người không rõ lai lịch. Bị cáo Bùi Thị L khai mua lại chiếc xe trên của người quen trong xóm tên Hòa (không rõ nhân thân lai lịch) không làm giấy tờ mua bán, ngày 08/3/2018 bị cáo đưa xe cho bị cáo T điều khiển để T đi bán ma túy.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tiếp tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định để tìm người quản lý hợp pháp của xe. Hết thời hạn thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với tên Bé Hai (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) - Bị cáo T, bị cáo L khai là người hỏi mua ma túy và tên Út (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) - Bị cáo T

khai là người bán ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7 tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[9] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị L và Nguyễn Huỳnh T cùng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị L 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2018

Phạt bị cáo Bùi Thị L: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huỳnh T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2018.

- Phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh T: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) Gói ma túy niêm phong.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, 01 (Một) điện thoại Mobistar, có vỏ bọc nhựa.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Huỳnh T: 02 (Hai) tờ tiền gồm 01 USD và 10.000 Cambodia.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp: 01 (Một) chiếc xe gắn máy, loại xe hai bánh, nhãn hiệu LXMOTO, màu xanh đen bạc, biển số 64H9 - 4104, số máy FMH-014932, số khung UM8XG-4932. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 79 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận 7;
- Công an quận 7;
- Chi cục THADS quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu sổ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Mai Trần Cảnh